

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-PT

Ngày 14-8-2025

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 11-4-2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2025/QĐ-PT, ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 146/2025/QĐ-PT, ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ (Võ) Thị N, sinh năm 1990; cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, là Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; cư trú tại ấp L, xã A, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Chị Võ Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ gia trưởng, không lắng nghe và tôn trọng ý

kiến của chị nên thường xuyên cự cãi nhau, từ đó chị trở về sống chung với cha mẹ ruột cho đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 (Hai) người tên Nguyễn Võ Huỳnh N2, sinh ngày 14/7/2008 và tên Nguyễn Võ Minh Đ1, sinh ngày 28/10/2016. Hiện nay, hai người con đang sống chung với anh Đ nên chị đồng ý giao cho anh Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho một người con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 11-4-2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ (Võ) Thị N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, chị Võ (Võ) Thị N làm đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử cho chị N ly hôn với anh Đ.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh Đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa bản án sơ thẩm, cho chị N ly hôn với anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ là người không có kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt anh Đ.

[2] Chị N và anh Đ kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long). Theo chị N khai, sau một thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, nguyên nhân do anh Đ gia trưởng, không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của chị N, thường xuyên cự cãi nhau. Từ đó, chị N trở về sống chung với cha mẹ ruột ở Cần Thơ cho đến nay. Chị N xác định, giữa chị N và anh Đ không thể sống chung được nữa, nên chị N yêu cầu Tòa án sơ thẩm giải quyết cho chị N ly hôn với anh Đ.

[3] Anh Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, nên không có ý kiến trình bày về nội dung khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị N, coi như anh Đ đã từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án.

[4] Tòa án sơ thẩm xác định hôn nhân giữa chị N và anh Đ chưa đến mức trầm trọng và vì lợi ích chung của hai người con của chị N và anh Đ, nên xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, là chưa phù hợp với lời khai của chị N về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng; chưa xem xét, đánh giá thời gian chị N và anh Đ sống ly thân; chưa xem xét, đánh giá việc anh Đ từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án. Vì vậy, chị N kháng cáo yêu cầu ly hôn với anh Đ, là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị N tự nguyện giao 02 (Hai) người con tên Nguyễn Võ Huỳnh N2, sinh ngày 14/7/2008 và tên Nguyễn Võ Minh Đ1, sinh ngày 28/10/2016, cho anh Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, là phù hợp với điều kiện sống, sinh hoạt và học tập của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của chị N.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa bản án sơ thẩm, cho chị N ly hôn với anh Đ, là có căn cứ.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa bản án sơ thẩm, cho chị N ly hôn với anh Đ, là có căn cứ.

[9] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị N được Tòa án phúc thẩm chấp nhận, nên chị N không phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí hôn nhân phúc thẩm cho chị N bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005272, ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực X, tỉnh Vĩnh Long).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ (Võ) Thị N.

Sửa bản án sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 11-4-2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Võ (Võ) Thị N.

2. Về hôn nhân: Cho chị Võ (Võ) Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

3. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị Võ (Võ) Thị N về việc giao 02 (Hai) người con tên Nguyễn Võ Huỳnh N2, sinh ngày 14/7/2008 và tên Nguyễn Võ Minh Đ1, sinh ngày 28/10/2016 cho anh Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Võ (Võ) Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn Đ và các thành viên gia đình không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Võ (Võ) phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm chị Võ (Võ) Thị N đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004936, ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực X, tỉnh Vĩnh Long), nên không phải nộp tiếp.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí hôn nhân phúc thẩm chị Võ (Võ) Thị N bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005272, ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực X, tỉnh Vĩnh Long).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực X - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực X, tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã A, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Đê